

Bản án số: 467/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 - 7 - 2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Cao Trí.

Ông Mai Minh Chánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 414/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Huỳnh N, sinh năm 2004; cư trú tại: số 161, tổ 07, ấp LP, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phước A, sinh năm 2000; cư trú tại: ấp CD, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 08/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Huỳnh N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh A do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TMT vào ngày 27/01/2023. Thời gian chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, hiện đã ly thân từ năm

2023. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh A.

- Về con chung: có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 08/01/2023, hiện chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*Tại tờ tường trình ngày 12/4/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Phước A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: thống nhất vợ chồng do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TMT vào năm 2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường nhưng đến ngày 21/11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân cho đến nay. Nếu chị N đồng ý giao con cho anh nuôi dưỡng thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: thống nhất có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 08/01/2023, hiện chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: có 12 chỉ vàng 18kara do cha mẹ anh A cho vào ngày cưới, hiện chị N đang quản lý. Trường hợp chị N nuôi con thì anh A yêu cầu chia đôi, mỗi người 06 chỉ vàng 18kara. Trường hợp anh A nuôi dưỡng con chung thì chị N phải giao cho anh A 12 chỉ vàng 18kara.

- Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn chị Trần Thị Huỳnh N có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Phước A thống nhất ly hôn và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.*

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn với anh A.

- Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 08/10/2023 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: chị N không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh A xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TMT theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 27/01/2023. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh A là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị N yêu cầu được ly hôn, quá trình giải quyết vụ án anh A xin đoàn tụ nhưng tại phiên tòa anh thống nhất ly hôn. Chị N và anh A thống nhất trong thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân từ ngày 21/11/2023.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, chị N và anh A đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng không thành, tại phiên tòa anh A thống nhất ly hôn. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.3] Về con chung: chị N và anh A có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 08/01/2023, hiện chị N đang nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, con chung hiện

dưới 36 tháng tuổi. Tại phiên tòa anh A thống nhất giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định về tâm lý, môi trường sống, nơi ở, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cũng như tôn trọng ý kiến của các đương sự và phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Ngọc N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng: chị N không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con chung nên không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: chị N phải chịu 300.000đ án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh A không phải chịu án phí sơ thẩm.

[4] Xét các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 85, Điều 86 và Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Huỳnh N đối với anh Nguyễn Phước A.

2. Về con chung: chị Trần Thị Huỳnh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 08/10/2023.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình của mình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

**3. Về cấp dưỡng:** chị Trần Thị Huỳnh N không yêu cầu anh Nguyễn Phước A cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về tài sản chung và nợ chung:** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí dân sự:** chị Trần Thị Huỳnh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005605 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**6. Về quyền kháng cáo:** đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- UBND xã TMT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Quang**